

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-6-2023.

“V/v hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hùng.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 “Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988 “có mặt tại điểm cầu thành phần”.

Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991 “vắng mặt tại điểm cầu thành phần”.

Cư trú tại: ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống vào ngày 09/11/2021, nhưng từ đó đến nay anh chị

không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau lễ cưới chị H và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Chị H và anh T sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Chị H yêu cầu tuyên bố chị và anh T không phải là vợ chồng.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không có con chung, nên chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung và nợ chung, nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

* Tại biên bản lấy lời khai đương sự của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung anh Nguyễn Văn T trình bày.

- Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống vào ngày 09/11/2021, nhưng từ đó đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau lễ cưới anh T và chị H chung sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Anh T và chị H sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Anh T yêu cầu tuyên bố anh và chị H không phải là vợ chồng.

- Về con chung: trong thời gian chung sống anh T và chị H không có con chung, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống anh T và chị H không có tài sản chung và nợ chung, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng; về con chung: không có, chị H và anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có, chị H và anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 8 năm 2022 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thì chị H kiện anh Nguyễn Văn T là bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về mối quan hệ: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống từ ngày 09/11/2021, nhưng từ đó đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn.

Xét thấy: chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa chị H yêu cầu tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh T cũng yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, xử tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không có con chung.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T cùng xác định không có tài sản chung, chị H và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T cùng xác định không có nợ chung, chị H và anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát

nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004958 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về mối quan hệ: tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không có con chung.

3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004958 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa (điểm cầu thành phần) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T không

có mặt tại phiên tòa (điểm cầu thành phần) thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A, huyện C;
- UBND xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo